Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HỒNG PHONG
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
Thời gian ký: 19/10/2025 11:11:32

PHỤ LỤC 1

DANH SÁCH ĐỊA BÀN HỌC SINH KHÔNG THỂ ĐI ĐẾN TRƯỜNG VÀ TRỞ VỀ NHÀ TRONG NGÀY (CẤP TIỂU HỌC) NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND, ngày /10/2025 của Ủy ban nhân dân xã Hồng Phong)

TT	Xã,	Khu vực (xã/ thôn)	Tên trường	Số km	Diễn giải (đối với việc mô tả các khu vực trong thôn có khoản cách khác nhau hoặc mô tả đối với những thôn có khoảng cách nhỏ hơn quy định)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	XÃ HỒNG PHONG	**I**				
I	**Trường PTDTBT Tiểu học Hồng Phong**					
1	**Thôn Đoàn Kết**	ĐBKK				
1.1	Xóm Khum Kim		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	7,0		
			Điểm trường Văn Can, trường PTDTBT TH Hồng Phong	3,5	Từ hộ ông Nông Văn Khuân đến điểm trường phải qua suối chưa có cầu, đường đồi núi dễ sạt lở.	
1.2	Xóm Hát Làng		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	7,0		
1.3	Xóm Pác Khuổi		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	4,0		
1.4	Xóm Nà Cúm		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	4,5		
1.5	Xóm Pò Khuyên		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	4,0		
1.6	Xóm Nà Đeng		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	4,0		
1.7	Xóm Nà Kít		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	4,5		
1.8	Xóm Mò Tộc		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	2,5	Từ hộ ông Mỗ Văn HIệu qua bờ ruộng, đường đất, nhỏ, qua đồi núi khó đi.	
1.9	Xóm Vằng Păm		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	5,0		
2	**Thôn Khuổi Khuy**					
2.1	Xóm Phiêng Slài		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	9,0		
2.2	Xóm Khuổi Nát		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	9,0		

2.3	Xóm Cốc Po	ĐBKK	Trường PTDTBT TH Hồng Phong	7,0		
2.4	Xóm Khuổi Khuy		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	7,0		
2.5	Xóm Khuổi Slao		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	6,0		
2.6	Xóm Thâm Lẹng		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	5,0		
2.7	Xóm Cò Luồng		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	5,0		
2.8	Xóm Mạy Thang		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	4,5		
2.9	Xóm Hát Cúm		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	4,0		
2.10	Xóm Pò Xuồng		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	2,5	Có 6 hộ dân sinh sống. Từ điểm tập trung dân cư đến trường phải qua thác Phja Đán đất đá sạt lở	
3.	**Thôn Nhất Tiến**					
3.1	Xóm Ca Định	ĐBKK	Trường PTDTBT TH Hồng Phong	4,5		
3.2	Xóm Phai Bản		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	4,2		
3.3	Xóm Pò Khuyên		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	4,2		
3.4	Xóm Kéo Đình		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	4,0		
3.5	Xóm Cầu Ngầm		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	4,5		
3.6	Xóm Nà Pàn		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	2,2	Từ hộ Hoàng Văn Trang, Hoàng Văn Bẻo, qua suối Bủng Hà không có cầu, nước chảy xiết học sinh đi lại nguy hiểm.	
3.7	Xóm Nà Sli		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	2,0	Từ hộ ông Hoàng Văn Linh,Hoàng Văn Manh qua suối Nà Sli không có cầu, nước chảy xiết học sinh đi lại nguy hiểm.	
4	**Thôn Kim Liên**					
4.1	Xóm Nà Ki		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	8,0		

4.1	Xóm Nà Khum	ĐBKK	Trường PTDTBT TH Hoa Thám (Trường chính)	6,5	Qua sông Bắc Giang không có cầu.	
4.2	Xóm Cốc Sả		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	8,0		
			Trường PTDTBT TH Hoa Thám (Trường chính)	5,0	Qua sông Bắc Giang không có cầu.	
4.3	Xóm Pò Hà		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	7,5		
			Trường PTDTBT TH Hoa Thám (Trường chính)	4,0	Qua sông Bắc Giang không có cầu.	
			Điểm trường Mò Mè, trường PTDTBT TH Quang Trung	10,0		
4.4	Xóm Khuổi Dạc		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	7,0		
			Trường PTDTBT TH Hoa Thám (Trường chính)	3,0	Qua sông Bắc Giang không có cầu.	
4.5	Xóm Pàn Ca		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	5,0		
			Trường PTDTBT TH Hoa Thám (Trường chính)	4,0	Qua sông Bắc Giang không có cầu.	
4.6	Xóm Nà Kéo		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	7,0		
5	**Thôn Văn Can**					
5.1	Xóm Khuổi Nhọt		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	8,0		
			Điểm trường Văn Can, trường PTDTBT TH Hồng Phong	3,0	Có 14 hộ dân sinh sống, có 03 hộ cận nghèo, 02 hộ nghèo. Từ hộ ông Hoàng Văn Moong trở vào, học sinh phải qua dốc Kéo Bó trơn trượt.	
5.2	Xóm Bản Pjàng		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	7,0		
5.3	Xóm Nà Đeng		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	4,0		
5.4	Xóm Khuổi Slản		Điểm trường Văn Can, trường PTDTBT TH Hồng Phong	4,0		

5.5	Xóm Cốc Pái	ĐBKK	Điểm trường Văn Can, trường PTDTBT TH Hồng Phong	2,5	Có 01 hộ dân sinh sống. Từ nhà ông Nông Văn Võ phải qua đường bờ ruộng lầy lội, qua suối Cốc Pái không có cầu, mùa mưa nước lũ học sinh đi lại nguy hiểm.	
5.6	Xóm Khuổi Phạ		Điểm trường Văn Can, trường PTDTBT TH Hồng Phong	2,0	Có 04 hộ dân sinh sống. Từ hộ ông Nông Văn Tuân qua đường nhỏ hẹp, qua suối Cốc Mìn không có cầu, mùa mưa nước lũ học sinh không thể đi học được.	
5.7	Xóm Cốc Liềng		Điểm trường Văn Can, trường PTDTBT TH Hồng Phong	1,5	Có 07 hộ dân sinh sống, có 02 hộ nghèo. Từ các hộ bà Nông Thị Lý đường đi nhỏ hẹp, qua suối Cốc Lải, suối Lọ Đình không có cầu, mùa mưa nước lũ học sinh đi lại nguy hiểm	
5.8	Xóm Cốc Bay		Điểm trường Văn Can, trường PTDTBT TH Hồng Phong	1,5	Có 07 hộ dân sinh sống, 01 hộ cận nghèo. Từ hộ ông Nông Văn Diện đường đi nhỏ hẹp, qua suối Cốc Lải, suối Lọ Đình không có cầu, mùa mưa nước lũ học sinh đi lại nguy hiểm	
5.9	Xóm Nà Soong		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	7,0		
6	**Thôn Nà Sla**					
6.1	Xóm Khau Phại	ĐBKK	Trường PTDTBT TH Hồng Phong	29,0		
			Điểm trường Vằng Phja, trường PTDTBT TH Hồng Phong	9,0		
6.2	Xóm Nà Sla		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	25,0		
			Điểm trường Vằng Phja, trường PTDTBT TH Hồng Phong	4,0		
7	**Thôn Vằng Phja**					
7.1	Xóm Phiêng Văng		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	9,0		
			Điểm trường Vằng Phja, trường PTDTBT TH Hồng Phong	8,0		
			Trường PTDTBT TH Hồng Phong	7,0		

7.2	Xóm Hát Gia	ĐBKK	Điểm trường Vằng Phja, trường PTDTBT TH Hồng Phong	6,0		
7.3	Xóm Cốc Lải		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	7,0		
			Điểm trường Vằng Phja, trường PTDTBT TH Hồng Phong	5,0		
7.4	Xóm Tẩu Tát		Điểm trường Vằng Phja, trường PTDTBT TH Hồng Phong	6,0		
7.5	Xóm Hát Cù		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	14,0		
			Điểm trường Vằng Phja, trường PTDTBT TH Hồng Phong	4,0		
7.6	Xóm Pò Tắm		Điểm trường Vằng Phja, trường PTDTBT TH Hồng Phong	4,0		
7.7	Xóm Phiêng Búng		Điểm trường Vằng Phja, trường PTDTBT TH Hồng Phong	2,0	Có 09 hộ dân, qua sông Bắc Giang không có cầu.	
8	**Thôn Nà Mười**					đo lại
8.1	Xóm Nà Ăn	ĐBKK	Trường Tiểu học Minh Khai	7,5		
			Trường PTDTBT TH Hồng Phong	5,0		
8.2	Xóm Cạm Phường		Trường Tiểu học Minh Khai	7,0		
			Trường PTDTBT TH Hồng Phong	7,5		
8.3	Xóm Nà Nhằng		Trường Tiểu học Minh Khai	7,3		
			Trường PTDTBT TH Hồng Phong	7,0	Qua suối Nà Nhằng không có cầu	
8.4	Xóm Pàn Chẩu		Điểm trường Pàn Làng, trường Tiểu học Minh Khai	4,3 km		
			Trường PTDTBT TH Hồng Phong	4,8		
8.5	Xóm Nà Mặn		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	5,0		
8.6	Xóm Lọ Mười		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	4,2		
9	**Thôn Thống Nhất**					

9.1	Xóm Thang Nà		Điểm trường Pàn Làng, trường Tiểu học Minh Khai	4,5		
			Trường PTDTBT TH Hồng Phong	8,0		
9.2	Xóm Nà Khoai		Điểm trường Pàn Làng, trường Tiểu học Minh Khai	1,5	Nhà xã nhất Ma Văn Khách, qua suối Nà Sát không có cầu đường ven bờ ruộng 1 km	
			Trường PTDTBT TH Hồng Phong	8,0		
9.3	Xóm Tát Lù	ĐBKK	Điểm trường Nà Khuông, trường Tiểu học Minh Khai	7,0		
			Điểm trường Văn Can trường PTDTBT TH Hồng Phong	7,0		
9.4	Xóm Nà Sliếc		Điểm trường Nà Khuông, trường Tiểu học Minh Khai	7,0		
			Điểm trường Văn Can trường PTDTBT TH Hồng Phong	8,0		
9.5	Xóm Nà Khuông		Điểm trường Nà Khuông, trường Tiểu học Minh Khai	6,3		
			Điểm trường Văn Can trường PTDTBT TH Hồng Phong	4,5		
10	**Thôn Bản Tăn**					
10.1	Xóm Bản Trang	ĐBKK	Điểm trường Bản Tăn, trường Tiểu học Minh Khai	3.0	Nhà xa nhất Chu Văn Mẫn, qua suối Pác Cáp không có cầu, đường đồi trơn trượt, dễ sạt lở.	
			Trường PTDTBT TH Hồng Phong	13,0		
11	**Thôn Nà Mạ**					
11.1	Xóm Cóc Lùng	ĐBKK	Trường Tiểu học Minh Khai	4,5		
			Trường PTDTBT TH Hồng Phong	4,0		
II. XÃ HOA THÁM						
1	**Thôn Tân Lập**					

1.1	Xóm Nà Nghịu	ĐBKK	Trường PTDTBT TH Hồng Phong	4,0		
1.2	Xóm Slọ Phát		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	4,0		
2	**Thôn Vĩnh Quang**					
2.1	Xóm Nà Lùng	ĐBKK	Trường PTDTBT TH Hồng Phong	20,0		
III. XÃ THIỆN THUẬT						
1	**Thôn Pác Giắm**					
1.1	Xóm Nà Xóm	ĐBKK	Trường PTDTBT TH Hồng Phong	6,0		
1.2	Xóm Nà Pò		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	6,0		
IV. XÃ THIỆN HÒA						
1	**Thôn Lân Luông**					
1.1	Xóm Bom Khuất	ĐBKK	Trường PTDTBT TH Hồng Phong	68,0		
V. XÃ HỘI HOAN						
1	**Thôn Cốc Lào**					
1.1	Xóm Khuổi Lào	ĐBKK	Trường PTDTBT TH Hồng Phong	4,0	Điểm xa nhất 5,0km; điểm gần nhất 4,0km.	
I	**Trường Tiểu học Minh Khai**					
1.1	Thôn Pàn Pẻn	ĐBKK	Tiểu học Minh Khai	6.0	-Xóm Nà Kế: 4.8 km tính từ hộ Nông Thị Hợp . - Xóm Tình Pò: 6.0 km tính từ hộ Phùng Văn Nháy; - Xóm Bản Đâư: 3.0 km tính từ hộ Lưu Văn Long qua suối Bản Đâư không có cầu, đường đi khó, trơn trượt; - Xóm Khuổi Sầu 2.5 km tính từ hộ Lý Văn Chính qua suối Khuổi Sầu, qua dốc Khẩu Phảng, đường đi khó trơn trượt.	
1.2	Thôn Khuổi Ổ	ĐBKK	Tiểu học Minh Khai	5.0	- Xóm Cốc Lầy 4.0 km tính từ hộ Lương Văn Ba, nhà gần nhất tính từ hộ ông Lâm Văn Phanh 3,0 km đường đất đỏ dốc dài 150 m qua suối Nà Tấu không cầu; - Xóm Khuổi Chọt: 4.8 km tính từ hộ Lâm Văn Thâm; - Xóm Khuổi Mòn 5.0 km tính từ hộ Lâm Văn Tỉnh; - Xóm Khuổi Ổ: 4.0 km tính từ hộ Lâm Văn Hợi, điểm gần nhất tính từ hộ ông Lâm Văn Giáp: 3,0km qua sườn đồi đường đất, qua suối Khuổi Ổ không cầu rộng 3 m.	

1.3	Thôn Nà Mười	ĐBKK	Tiểu học Minh Khai	7,5	- Xóm Nà Ăn: 7.5 km tính từ hộ ông Hứa Văn Túc; - Xóm Nà Lạn: 6.6 km tính từ hộ ông Hoàng Văn Chức; - Xóm Nà Pàn: 6.5 km tính từ hộ ông Phùng Văn Chọt; - Xóm Nà Toòng: 6.2 km tính từ hộ ông Chu Ngọc Lèn; - Xóm Cạm Phường: 7.0 km tính từ hộ ông Hứa Văn Săn; - Xóm Lọ Tặc: 1.5 km tính từ hộ ông Hứa Văn Hà qua suối Thang Mù, đi lại khó khăn, trơn trượt, dốclên đồi đường đất 1500 m đường đất dễ sạt lở ; - Xóm Pàn Chẩu 4.8 km tính từ hộ ông Hứa Văn Nghiêm, nhà gần nhất Hứa Văn Cửu 4 km đường đi lại khó khăn qua đồi núi dốc cao trơn trượt dễ sạt lở.	
			Điểm trường Pàn Làng, Tiểu học Minh Khai	4.3	-Xóm Lọ Tặc: 1,5 km tính từ nhà ông Hứa Văn Hà qua suối Thang Mù, đi lại khó khăn, trơn trượt, dốclên đồi đường đất 1500 m đường đất dễ sạt lở; - Xóm Pàn Chẩu: 4.3 km tính từ nhà ông Hứa Văn Nghiêm, nhà gần nhất Hứa Văn Cửu 4 km đường đi lại khó khăn qua đồi núi dốc cao trơn trượt dễ sạt lở.	
			Phổ thông Dân tộc Bán trú Tiểu học Hồng Phong	5.0	"- Xóm Nà Ăn 5.0 km tính từ hộ ông Triệu Văn Tiến; - Xóm Lọ Tặc 1.5 km tính từ hộ ông Hứa Văn Hà qua suối Thang Mù, đi lại khó khăn, trơn trượt, dốc lên đồi đường đất 1500 m đường đất dễ sạt lở; - Xóm Pàn Chẩu 4.8 km tính từ hộ ông Hứa Văn Nghiêm.	

1.4	Thôn Thống Nhất	ĐBKK	Điểm trường Pàn Làng, Tiểu học Minh Khai	6.3	- Xóm Thang Nà: 4.5 km tính từ hộ Chu Thanh Sơn, điểm gần nhất Chu Văn Hoàn gần nhất 3 km đường bê tông; - Xóm Bản Hỏi: 3 km tính từ hộ Hứa Văn Tình đường dốc trơn trượt 1,2 km qua dốc Bản Hỏi, suối Bản Hỏi không có cầu, dễ sạt lở, trơn trượt ; - Xóm Nà Khoai: 1.5 km tính từ hộ Ma Văn Khách Qua suối Nà Sát không có cầu đường ven bờ ruộng 1 km; - Xóm Tát Lù: 7 km tính từ hộ Mông Văn Dũng; - Xóm Nà Sliếc 7 km tính từ hộ Chu Văn Bằng phải đường rừng đồi núi nhỏ hẹp dễ sạt lở, đi lại nguy hiểm; - Xóm Tát Lù: 7 km tính từ hộ Mông Văn Dũng; - Xóm Nà Sliếc 7 km tính từ hộ nhà Chu Văn Bằng phải đường rừng đồi núi nhỏ hẹp dễ sạt lở, đi lại nguy hiểm; -Xóm Nà Khuông: 6.3 km tính từ hộ Chu Văn Mạnh phải qua Đường trơn, nhỏ hẹp quanh co, dốc, dễ sạt lở.	
			Trường PTDTBT TH Hồng Phong	7.0	"- Xóm Tát Lù: 7 km tính từ hộ Mông Văn Dũng; - Xóm Nà Sliếc: 8 km tính từ hộ Chu Văn Bằng; - Xóm Nà Khuông: 4.5 km tính từ hộ Triệu Văn Vương.	
1.5	Thôn Bản Tiến	ĐBKK	Điểm trường Pàn Làng, Tiểu học Minh Khai	5.0	- Xóm Đâư Lộ: 5 km tính từ hộ Lâm Văn Nọng ; Xóm Cốc Loi: 4.5 km tính từ hộ Lâm Văn Say nhà gần nhất Lâm Văn Giang; - Xóm Nà Cáy: 2 km tính từ hộ Phùng Văn Minh lên đồi đường đất 500m qua đèo Không Còi dễ sạt lở, trơn trượt; -Xóm Lùng Thâm: 4 km tính từ hộ Nông Văn Tinh.	

1.6	Thôn Nà Nưa	ĐBKK	Điểm trường Nà Nèn, Tiểu học Minh Khai	2.6 km	- Xóm Thang Tồng: 2.5 km tính từ hộ Hà Văn Tấn phải Qua suối Bản Luông, Thang Tồng không có cầu, đèo Nà Nèn, đi lại khó khăn; - Xóm Lọ Chột: 2.6 km tính từ hộ Lưu Văn Ổn qua suối Bản Luông không có cầu, qua khe Lọ Chột, đường trơn trượt, lầy lội; - Xóm Cóc Pô: 2 km tính từ hộ Lưu Văn Bích qua suối Bản Luông (rộng 8m) không có cầu, đèo Cốc Pô dễ sạt lở, trơn trượt, lầy lội; - Xóm Bản Luông: 1.5 km tính từ hộ Hà Văn Báo nếu trời mưa lũ đi đường vòng 3 km nắng đi đường bờ ruộng. phải qua Đường bờ suối nhỏ hẹp, có đoạn cắt ngang không có cầu, dễ ngập tràn, sạt lở.	
			Điểm trường Phiêng Nưa, Tiểu học Minh Khai	1.7	-Xóm Cóc Nà: 1.2 km tính từ hộ Lương Văn An và đi đường rừng 1 km phải Qua suối Cốc Nà không có cầu, đi lại khó khăn; - Xóm Cốc Bao: 1.7 km tính từ hộ Lâm Thị Ịu, Lương Văn Chính qua suối Tẩy Lườn không có cầu, đi lại nguy hiểm; - Xóm Phạ Lác: 1.5 km tính từ hộ Lương Văn Ngang đi đường bờ ruộng 500m qua suối Tẩy Đình, Tẩy Lườn không có cầu; - Xóm Cốc Nhừ: 2 km tính từ hộ Nông Thị Vân qua khe qua suối Tẩu Lườn không có cầu; -Xóm Khuổi Cải: 1.5 km tính từ hộ Lý Văn Trường qua suối Tẩy Lườn không có cầu, dốc Cốc Nhừ trơn trượt, dễ sạt lở qu khe , qua bờ ruộng.	
			Điểm trường Nà Nèn, Tiểu học Minh Khai	5.0	" - Xóm Cóc Nà: 5 km; - Xóm Cốc Bao: 5.5 km; - Xóm Phạ Lác: 5 km; - Xóm Cóc Liền: 5 km; - Xóm Cốc Nhừ: 5.5 km; - Xóm Khuổi Cải: 5 km;	

1.7	Thôn Bản Tăn		Điểm trường Bản Tăn,Tiểu học Minh Khai	3.8	- Xóm Nà Luông: 3.8 km tính từ hộ Lương Văn Thượng đường đi nhỏ hẹp Qua dốc Nà Slao đường lên đồi dễ sạt lở, trơn trượt; - Xóm Bản Nưa: 3 km tính từ hộ Lương Văn Tuyên qua suối Nà Sào không có cầu, đi đường rừng, bờ ruộng trơn trượt, dễ sạt lở; - Xóm Bản Trang: 3 km tính từ hộ Chu Văn Mẫn qua suối Pác Cáp không có cầu, đường dễ sạt lở, trơn trợt. Đường đi đường đồi; - Xóm Bản Noọc: 3 km tính từ hộ Lý Văn Thuộcqua suối Nà Hem (rộng 6,5m), suối Bản Ngược, suối Khuổi Mới không có cầu, đường rừng, bờ ruộng dễ sạt lở, trơn trượt; - Xóm Cóc Khấu: 4 km tính từ hộ Tô Văn Viện qua suối Khuổi Sầu, đi đường rừng dễ sạt lở, trợn trượt; - Xóm Khuổi Vạt: 2.9 km tính từ hộ Lý Văn Đeng đi đường rừng. qua khe Cốc Kẹng đường nhỏ hẹp dễ sạt lở trợn trượt; - Xóm Nà Mòn: 1.5 km tính từ hộ Lý Văn Yến qua khe Cốc Liền, suối Cốc Liền không có cầu; đường đi nhỏ hẹp qua đường đồi núi dễ sạt lở; - Xóm Cóc Chi: 3 km tính từ hộ Lý Văn Lâm qua suối Cốc chủ, đường đồi núi nhỏ hẹp, dễ sạt lở trơn trượt. Đi đường bờ ruộng 500m trơn trượt; - Xóm Nà Thang: 3.8 km tính từ hộ Lương Văn Khánh qua khe Nà Thang, dốc Nà Slào đường đi dễ sạt lở, trợn trượt đi đường rừng.	
			Trường Tiểu học Minh Khai	4.0	"Xóm Cóc Khấu 4 km qua suối Khuổi Sầu, khe khuổi Sầu, đi đường rừng dễ sạt lở, trợn trượt.	
1.8	Thôn Khuổi Con	ĐBKK	Tiểu học Minh Khai	2.5	"- Xóm Khuổi Sầu 2,2 km tính từ hộ Âu Văn Phương qua dốc Khẩu Phảng, đường đi khó trơn trượt; - Xóm Nà Lạn 2.5 km tính từ hộ Lâm Văn Luyến qua suối Nà Lạng rộng 4m, không có cầu, mưa to nước lũ không qua được.	

1.9	Thôn Nà Mạ	ĐBKK	Tiểu học Minh Khai	5.5	- Xóm Khuổi Vòm: 4.5 km; - Xóm Nà Mọp: 5.5 km; - Xóm Nà Lẹng: 5.5 km; - Xóm Cóc Lùng: 4.5 km; - Xóm Cóc Bay : 4.2 km;		

PHỤ LỤC II

DANH SÁCH ĐỊA BÀN HỌC SINH KHÔNG THỂ ĐI ĐẾN TRƯỜNG VÀ TRỞ VỀ NHÀ TRONG NGÀY (CẤP THCS) NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /10/2025 của Ủy ban nhân dân xã Hồng Phong)

TT	Xã,	Khu vực (xã/ thôn)	Tên trường	Số km	Diễn giải (đối với việc mô tả các khu vực trong thôn có khoản cách khác nhau hoặc mô tả đối với những thôn có khoảng cách nhỏ hơn quy định)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	XÃ HỒNG PHONG	**I**				
I	**Trường PTDTBT THCS Hồng Phong**					
1	Thôn Nà Sla	BĐKK	Trường PTDTBT THCS Hồng Phong	25	Đảm bảo khoảng cách từ điểm xa nhất của thôn đến trường tối thiểu 07 km đối với cấp THCS	Trường hợp 1
2	Thôn Vằng Phya	BĐKK	Trường PTDTBT THCS Hồng Phong	16	Đảm bảo khoảng cách từ điểm xa nhất của thôn đến trường tối thiểu 07 km đối với cấp THCS	Trường hợp 1
3	Thôn Văn Can	BĐKK	Trường PTDTBT THCS Hồng Phong	7	Đảm bảo khoảng cách từ điểm xa nhất của thôn đến trường tối thiểu 07 km đối với cấp THCS. Điểm mốc xác định từ vị trí hộ gia đình ông: Nông Văn Hữu).	Trường hợp 1
4	Thôn Nhất Tiến	BĐKK	Trường PTDTBT THCS Hồng Phong	4,5	Từ điểm xa nhất của thôn đến trường có khoảng cách dưới 07 km đối với cấp THCS nhưng có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn: Xóm Nà Sli, Xóm Nà Pàn qua suối Bủng Hà không có cầu, nước chảy xiết học sinh đi lại nguy hiểm.	Trường hợp 2
5	Thôn Đoàn kết	ĐBKK	Trường PTDTBT THCS Hồng Phong	7	Điểm xa nhất của thôn đến trường đạt tối thiểu 07 km (Điểm mốc xác định từ vị trí hộ gia đình ông: Liễu Văn Trưởng). Đồng thời có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (phải qua sông, suối, qua vùng sạt lở đất, đá)	Trường hợp 3
6	Thôn Khuổi Khuy	ĐBKK	Trường PTDTBT THCS Hồng Phong	9	Điểm xa nhất của thôn đến trường đạt tối thiểu 07 km (Điểm mốc xác định từ vị trí hộ gia đình ông: Hoàng Văn Thức). Đồng thời có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (phải qua sông, suối, qua thác Phja Đán đất đá sạt lở)	Trường hợp 3
7	Thôn Kim Liên	ĐBKK	Trường PTDTBT THCS Hồng Phong	8	Điểm xa nhất của thôn đến trường đạt tối thiểu 07 km (Điểm mốc xác định từ vị trí hộ gia đình ông: Hoàng Văn Thủ). Đồng thời có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (phải qua vùng thường xuyên sạt lở đất, đá như: Nà Khum, Cốc Sả, Pò Hà, Pàn Ca)	Trường hợp 3
8	Thôn Thống Nhất	ĐBKK	Trường PTDTBT THCS Hồng Phong	8	Đảm bảo khoảng cách từ điểm xa nhất của thôn đến trường tối thiểu 07 km đối với cấp THCS	Trường hợp 1
9	Thôn Pác Giắm (xã Thiện Thuật)	ĐBKK	Trường PTDTBT THCS Hồng Phong	8	Điểm xa nhất của thôn đến trường đạt tối thiểu 07 km. Đồng thời có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn: nhiều đoạn thường xuyên có nguy cơ sạt lở đất.	Trường hợp 3
10	Thôn Vĩnh Quang (xã Hoa Thám)	ĐBKK	Trường PTDTBT THCS Hồng Phong	22	Đảm bảo khoảng cách từ điểm xa nhất của thôn đến trường tối thiểu 07 km đối với cấp THCS	Trường hợp 1
11	Thôn Lân Luông (xã Thiện Hòa)	ĐBKK	Trường PTDTBT THCS Hồng Phong	68	Đảm bảo khoảng cách từ điểm xa nhất của thôn đến trường tối thiểu 07 km đối với cấp THCS	Trường hợp 1

TT	Xã,	Khu vực (xã/ thôn)	Tên trường	Số km	Diễn giải (đối với việc mô tả các khu vực trong thôn có khoản cách khác nhau hoặc mô tả đối với những thôn có khoảng cách nhỏ hơn quy định)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
II	**Trường THCS Minh Khai**					
1.1	Thôn Pàn Pẻn	ĐBKK	Trường THCS Minh Khai	8,0	Hộ nghèo 14/105 tỉ lệ 0,13 % , 100% dân tộc Nùng. - Xóm Tình Pò: Điểm xa nhất có hộ ông Phùng Văn Nháy đi đến trường THCS Minh Khai là 8 km. Qua suối bản Đâư, không có cầu, đường đi khó trơn trượt. - Xóm Nà Ké: Đi đến trường THCS Minh Khai là 7,8 km - Xóm bản Đâư: Đi đến trường THCS Minh Khai là 6 km đi qua suối bản Đâư, không có cầu, đường đi khó trơn trượt. - Xóm Khuổi Sầu: Đi đến trường THCS Minh Khai là 5,5 km đi qua dốc Khẩu Phảng, đường đi khó trơn trượt.	Sáp nhập thôn Pàn Pẻn 1 + Pàn Pẻn 2 (QĐ 05)
1.2	Thôn Khuổi Ổ	ĐBKK	Trường THCS Minh Khai	5,8	Hộ nghèo 09/65 tỷ lệ 0,14% , 100% dân tộc Nùng. - Xóm Cốc Lầy điểm xa nhất: Có hộ ông Lâm Văn Ba đi đến trường THCS Minh Khai là 5,5 km, không có cầu đi qua suối. - Xóm Khuổi Chọt có hộ Lâm Văn Thân đi đến trường THCS Minh Khai 5,8 km, đường trơn trượt, sạt lở.suối Cốc khảo không có cầu. - Xóm Khuổi Mòn có hộ ông Lâm Văn Tỉnh đi đến trường là 5,5 km đường trơn trượt, sạt lở qua suối Cốc khảo không có cầu. - Xóm Khuổi Ổ có nhà ông Lâm Văn Hợi đi đến trường THCS Minh Khai 4,5 km, không có cầu qua suối khuổi ổ đường đi lên xuống dốc trơn trượt, sạt lở, học sinh được hưởng chế độ. (Đầu xóm từ nhà ông Lâm Thanh Dẩu trở ra đường đến trường đi lại dễ qua suối có cầu học sinh không được hưởng chế độ).	
1.3	Thôn Thống Nhất	ĐBKK	Trường THCS Minh Khai	7,5	Hộ nghèo 20/91 tỉ lệ 0,22%, 100% dân tộc Nùng. - Xóm Thang Nà có hộ xa nhất là: Hộ ông Chu Văn Thức đi đến trường THCS Minh Khai là 7 km. - Xóm Bản Hỏi có hộ xa nhất là: Hộ ông Hoàng Văn Soạn đi đến trường THCS Minh Khai là 8 km; Đi đến trường PTDTBT THCS Hồng Phong là 8 km. - Xóm Nà Khoai có hộ xa nhất là: Hộ ông Hứa Văn Mai đi đến trường THCS Minh Khai là 7 km; Đi đến trường PTDTBT THCS Hồng Phong là 7,5 km. - Xóm Tát Lù có hộ xa nhất là: Hộ ông Mông Văn Dũng đi đến trường THCS Minh Khai là 11km. - Xóm Nà Sliếc có hộ xa nhất là: Hộ ông ChuVăn Bằng đi đến trường THCS Minh Khai là 12 km. - Xóm Nà Khuông có hộ xa nhất là: Hộ ông Triệu Văn Mạnh đi đến trường THCS Minh Khai là 10km.	Sáp nhập thôn Bản Hỏi + Thôn Nà Khuông (NQ 38 ngày 14/11/2023)

TT	Xã,	Khu vực (xã/ thôn)	Tên trường	Số km	Diễn giải (đối với việc mô tả các khu vực trong thôn có khoản cách khác nhau hoặc mô tả đối với những thôn có khoảng cách nhỏ hơn quy định)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.4	Thôn Bản Tiến	ĐBKK	Trường THCS Minh Khai	9,5	Hộ nghèo: 14/105 tỉ lệ 0,13% - Xóm Đâư Lộ có hộ xa nhất là: Hộ ông Lâm Văn Nọng đi đến trường THCS Minh Khai là 9 km. - Xóm Chang khuyên hộ gần nhất Lâm Văn Bằng đi đến trường THCS Minh Khai là 7 km. - Xóm Cốc Loi, xóm Nà Cáy, xóm Pà Mười, xóm Lùng Thâm đi đến trường THCS Minh Khai là 7 km.	
1.5	Thôn Nà Nưa	ĐBKK	Trường THCS Minh Khai	10,0	Hộ nghèo: 12/61 tỉ lệ: 0,20 %, 100% dân tộc Nùng. - Xóm Cốc Nhừ điểm xa nhất: Có hộ ông Lâm Văn Thi đi đến trường THCS Minh Khai là 11 km. - Xóm Bản Luông điểm gần nhất: Có hộ ông Hà Văn Kiên, đi đến trường THCS Minh Khai là 7 km. - Xóm Thang Tồng, xóm Lộ Chột, xóm Cóc Càng, Cốc Pô, xóm Cốc Nà, xóm Cốc Bao, xóm Phạ Lác, xóm Cốc Liền, xóm Khuổi Cải đi đến trường THCS Minh Khai là 9 km.	Sáp nhập thôn Phiêng Nưa + Nà Nèn (NQ 64)
1.6	Thôn Bản Tăn	ĐBKK	Trường THCS Minh Khai	5,2	Hộ nghèo: 10/50 tỉ lệ 0,2 % , 100% dân tộc Nùng. -Xóm Nà Luông điểm gần nhất có hộ ông: Lương Văn Thủy đi đến trường THCS Minh Khai là 5,5 km, đường dễ sạt lở, qua đèo trơn trợt. - Xóm Khuổi Vạt điểm xa nhất có hộ ông: Lý Văn Vũ đi đến trường THCS Minh Khai là 9 km, đường dễ sạt lở, trơn trợt. - Xóm Bản Nưa, xóm Bản Trang, xóm Bản Nọc, xóm Cóc Khẩu, xóm Nà Mòn, xóm Cóc Chi, xóm Nà Thang đi đến trường THCS Minh Khai là 7 km.	
1.7	Thôn Khuổi Con	ĐBKK	Trường THCS Minh Khai	6,0	Hộ nghèo 8/60 tỷ lệ 0,13% , 100% dân tộc Nùng. - Xóm Khuổi Sầu: Điểm xa nhất có hộ ông Âu Văn Phương đi đến trường THCS Minh Khai là 5,2 km, đi đường rừng, qua dốc Khẩu Phảng, trơn trượt, dễ sạt lở.	
1.8	Thôn Nà Mười		Trường THCS Minh Khai	7,0	Hộ nghèo 7/53 tỉ lệ 0,13%, 100% dân tộc Nùng. - Xóm Lọ Tặc: Điểm xa nhất có hộ ông Hứa Văn Quyết, xóm Lọ Tặc đi đến trường THCS Minh Khai là 7 km, đi đường rừng, qua dốc Khẩu Phảng, trơn trượt, dễ sạt lở. Qua suối Nà Khoai, không có cầu, mùa mưa đi lại khó khăn, đường dốc dễ sạt lở.	